TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 10/9/2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**.

Các Hội thẩm nhân:

1. Ông **Nguyễn Văn Quang**

2. Ông **Nguyễn Hữu Thành**

***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Võ Chí Công** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Nữ** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà **Trần Thị Ngọc H** – sinh năm 1992. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** Ông **Huỳnh Quốc P** – sinh năm 1984. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 7, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Huỳnh Thị Xuân T** – sinh năm 1977. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 7, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con và chia tài sản ngày 27.4.2020 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, bà Trần Thị Ngọc H – nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị Ngọc H trình bày: Bà H và ông Huỳnh Quốc P chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phước Hội, thị xã L theo giấy chứng nhận kết hôn số 126 ngày 20/11/2015.

Trong thời gian chung sống giữa bà và ông P thời gian đầu hạnh phúc, đến cuối năm 2019 thì phát sinh mân thuẫn do ông P không còn quan tâm, lo lắng đến bà và con, thường xuyên đánh đập, hành hung gây thương tích cho bà H và ông P thường dùng những lẽ xúc phạm bà H. Giữa bà và ông P có hòa giải, gia đình có khuyên nhưng không thể hàn gắn lại. Hiện tại bà H và ông P đã không còn sống chung với nhau. Bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, nên yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Quốc P.

Về con chung: Có 01 con chung: Huỳnh Ngọc Mỹ D (Giới tính: Nữ) sinh ngày 27.7.2017, hiện bà Hường đang nuôi con. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: 01 lô đất có diện tích 108,3 m^2 tại khu phố 3, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà H ông P đứng tên đăng ký; Tiền mặt 60.000.000 đồng nhờ bà Huỳnh Thị Xuân T giữ dùm. Khi ly hôn, bà H yêu cầu phân chia tài sản là lô đất, yêu cầu được nhận tài sản bằng hiện vật; chia đôi số tiền 60.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết, giữa bà H, ông P, bà T đã giải quyết xong đối với yêu cầu của bà H về phân chia số tiền 60.000.000 đồng hiện chỉ còn 40.000.000 đồng (do ông P lấy một khoản tiền để chi phí bà H cũng chấp nhận), bà T đã đưa cho bà H và ông P mỗi người 20.000.000 đồng. Đối với lô đất bà H khai do hiện nay bà không có khả năng thanh toán cho ông P nên bà giao tài sản cho ông P được quyền sử dụng lô đất, ông P phải thanh toán cho bà H ½ giá trị tài sản bằng tiền. Đối với yêu cầu về phân chia tài sản là số tiền 40.000.000 đồng giữa hai bên đã giải quyết xong nên bà H có đơn xin rút yêu cầu về phần này.

Nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Bị đơn: Ông Huỳnh Quốc P trình bày:

Ông P thừa nhận về thời gian đăng ký kết hôn, về con chung. Phần tài sản chung thừa nhận có lô đất diện tích 108,3 m^2, số tiền mặt gửi bà T giữ dùm ông P đã lấy một khoản để chi phí, hiện còn 40.000.000 đồng; ông P, bà H đã nhận mỗi người 20.000.000 đồng; ông P thừa nhận vợ chồng sống chung có xảy ra mâu thuẫn, hiện tại không còn sống chung, tình cảm vợ chồng không còn nên ông P đồng ý ly hôn với bà H; Về con cái: Ông P đồng ý giao cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Huỳnh Ngọc Mỹ D, sinh ngày 27.7.2017; Ông P chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Vì do ông P làm nghề biển thu nhập không ổn định. Về tài sản chung là lô đất có diện tích 108,3 m^2 ông P yêu cầu được quyền sử dụng, đồng ý thanh toán cho bà H ½ giá trị tài sản chênh lệch; Nợ chung: không yêu cầu.

Tại phiên tòa hôm nay, ông P vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Xuân T trình bày:

Bà T là chị ông Huỳnh Quốc P, bà T thừa nhận ông P bà H có nhờ bà giữ

dùm số tiền 60.000.000 đồng, là tiền mà vợ chồng P dùng để xây nhà nhưng chưa xây. P có lấy tiền hai lần là: Lần thứ nhất Phong lấy 7.000.000 đồng và lần thứ hai P lấy 13.000.000 đồng, hiện còn lại 40.000.000 đồng. Hiện tại bà T đã trả cho P và H mỗi người 20.000.000 đồng vào ngày 17.7.2020.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc H.

- Về con chung: Giao cho Giao cho bà Trần Thị Ngọc H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Huỳnh Ngọc Mỹ D, sinh ngày 27.7.2017. Buộc ông Huỳnh Quốc P phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Huỳnh Quốc P được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

-Về tài sản chung:

Chia cho ông Huỳnh Quốc P được quyền sử dụng diện tích 108,3 m^2, trị giá đất là 549.947.400 đồng; Ông Huỳnh Quốc P phải thanh toán ½ giá trị tài sản chênh lệch cho bà Trần Thị Ngọc H số tiền 274.973.700 đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Trần Thị Ngọc H về phân chia tài sản là số tiền 40.000.000 đồng.

-Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn và APHNGĐST về chia tài sản; Ông Huỳnh Quốc P phải chịu 300.000 đồng APHNGĐST về cấp dưỡng nuôi con và APHNGĐST về chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét yêu cầu ly hôn, nuôi con và chia tài sản của bà Trần Thị Ngọc H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L.

[2] Về hôn nhân:

Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc H, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Ngọc H và ông Huỳnh Quốc P là hôn nhân

hợp pháp. Trong cuộc sống chung, giữa bà H và ông P đã xảy ra mâu thuẫn, ông bà đã hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn lại, giữa ông bà hiện tại đã không còn tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau nên đã không còn sống chung. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà H và ông P đều xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa nên ông P đồng ý ly hôn với bà H. Xét mâu thuẫn giữa bà H và ông P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc H là phù hợp, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét đến việc đảm bảo quyền lợi cho con về mọi mặt. Hiện nay cháu Huỳnh Ngọc Mỹ D còn nhỏ nên cần sự chăm sóc và nuôi dưỡng của người mẹ. Hơn nữa, ông P đồng ý giao cho bà H trực tiếp nuôi con, nên Hội đồng xét xử giao cho bà Trần Thị Ngọc H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Huỳnh Ngọc Mỹ D, sinh ngày 27.7.2017 là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng: Xét yêu cầu của bà H về yêu cầu ông Huỳnh Quốc P cấp dưỡng nuôi con chung: Huỳnh Ngọc Mỹ D, sinh ngày 27.7.2017 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, ông P chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thực tế hiện nay ông P làm lao động biển, có thu nhập để đảm bảo việc cấp dưỡng nuôi con; Để đảm bảo nhu cầu về dinh dưỡng và việc học tập của cháu Huỳnh Ngọc Mỹ D, nên buộc ông Huỳnh Quốc P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Xét yêu cầu của bà H ông P về phân chia tài sản chung là thửa đất có diện tích 108,3 m^2 tại khu phố 3, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận: Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản xem xét, thẩm định và định giá tài sản ngày 31.7.2020, thể hiện: 01 thửa đất số 343, tờ bản đồ số 03, có diện tích 108,3 m^2 (Trong đó: đất ở tại đô thị 100 m^2, đất chuyên trồng lúa nước 8,3 m^2) tại khu phố 3, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận do ông P bà H nhận chuyển nhượng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận vào ngày 09.8.2017, theo giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 421486 cấp ngày 20.6.2017, trị giá thửa đất là: 549.947.400 đồng; đất có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp nhà ông Nguyễn Viên L, phía Tây giáp nhà bà Đoàn Thị T, phía Nam giáp đất bà V, phía Bắc giáp đường đất, hiện tại bà H đang giữ bản chính giấy chứng nhận. Tại phiên tòa, bà H khai do hiện nay bà không có khả năng thanh toán cho ông P nên bà giao tài sản cho ông P được quyền sử dụng lô đất, ông P phải thanh toán cho bà H ½ giá trị tài sản bằng tiền; Ông P cũng có yêu cầu được quyền sử dụng thửa đất này. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho ông Huỳnh Quốc P được quyền sử dụng thửa đất số 343, tờ bản đồ số 03, có diện tích 108,3 m^2 trị giá: 549.947.400 đồng và buộc ông P

phải thánh toán cho bà Hường ½ giá trị tài sản bằng tiền là 274.973.700 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đối với yêu cầu của bà H về phân chia tài sản là số tiền 40.000.000 đồng do bà H ông P nhờ bà Huỳnh Thị Xuân T giữ dùm thì giữa hai bên đã giải quyết xong, bà T đã trả cho bà H và ông P mỗi người 20.000.000 đồng, nên bà H có đơn xin rút yêu cầu về phần này. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu của bà H về phân chia tài sản là số tiền 40.000.000 đồng.

[6] Về nợ chung: Bà H và ông P không yêu cầu giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn và án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về chia tài sản; Bị đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con và án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về chia tài sản theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và chi phí đo đạc: Bà H và ông P mỗi người phải chịu 1.978.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản và chi phí đo đạc, bà H đã thanh toán đủ và ông P đã hoàn trả cho bà H số tiền 1.978.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157, Điều 165, Điều 262; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc H.

Bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn với ông Huỳnh Quốc P.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Ngọc H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Huỳnh Ngọc Mỹ D (Giới tính: Nữ) sinh ngày 27.7.2017.

Buộc ông Huỳnh Quốc P phải cấp dưỡng nuôi con chung: Huỳnh Ngọc Mỹ D (Giới tính: Nữ) sinh ngày 27.7.2017 mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông Huỳnh Quốc P được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung:

Chia cho ông Huỳnh Quốc P được quyền sử dụng thửa đất số 343, tờ bản đồ số 03, diện tích 108,3 m^2 (Trong đó: đất ở tại đô thị 100 m^2, đất chuyên trồng lúa nước 8,3 m^2) tại khu phố 3, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 421486 cấp ngày 20.6.2017 do ông Huỳnh Quốc P và bà Trần Thị Ngọc H nhận chuyển nhượng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận ngày 08.8.2017, trị giá đất là 549.947.400 đồng, đất có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp nhà ông Nguyễn Viên L, phía Tây giáp nhà bà Đoàn Thị T, phía Nam giáp đất bà V, phía Bắc giáp đường đất.

Ông Huỳnh Quốc P phải thanh toán ½ giá trị tài sản chênh lệch cho bà Trần Thị Ngọc H số tiền 274.973.700 đồng.

Buộc bà Trần Thị Ngọc H phải giao cho ông Huỳnh Quốc P bản chính giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 421486 cấp ngày 20.6.2017 để làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Trần Thị Ngọc H về phân chia tài sản là số tiền 40.000.000 đồng.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn và 13.748.685 đồng (Mười ba triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về chia tài sản, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0022759 ngày 20/5/2020 và số tiền 4.500.000 đồng theo biên lai số 0022760 ngày 20/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Bà Trần Thị Ngọc H còn phải nộp 8.948.685 đồng án phí.

Ông Huỳnh Quốc P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con và 13.748.685 đồng (Mười ba triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về chia tài sản. Tổng số tiền án phí ông P phải nộp là 14.048.685 đồng (Mười bốn triệu không trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng).

5. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và chi phí đo đạc: Bà H và ông P mỗi người phải chịu 1.978.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản và chi phí đo đạc, bà H đã thanh toán đủ và ông P đã hoàn trả cho bà H số tiền 1.978.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bên đương sự, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/9/2020).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- UBND p. Phước Hội;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Vũ Toàn